



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

IV # \_\_\_\_\_

VEWL.# \_\_\_\_\_

I-171 : \_\_\_\_\_ Yes, \_\_\_\_\_ No

EXIT VISA: \_\_\_\_\_ Yes \_\_\_\_\_ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE VAN TONG  
Last Middle First

Current Address 187/4 Minh Phung - D.6 - TP HCM -

Date of Birth 1933 Place of Birth Sg

Previous Occupation (before 1975) Lt. Col.  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 05/01/75 To 02/12/88  
13y -

3. SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
FAMILIES OF VIETNAMESE  
POLITICAL PRISONERS ASSOC.  
P.O. BOX 5435  
ARLINGTON, VA 22205-0635  
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone</u> | <u>Relationship</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| _____                                | _____               |
| _____                                | _____               |
| _____                                | _____               |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: \_\_\_\_\_

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : \_\_\_\_\_  
 (Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Kính gửi:

Bà Khúc Minh Thọ  
PO Box. 5435  
ARLINGTON, VA 22205-0635

Kính Bà.

Tôi tên LÊ Văn Tổng - trước kia phục vụ trong  
Quân đội Việt Nam Cộng Hòa - Cấp bậc và chức vụ  
cuối cùng: 'Trung tá' - Trường Phòng 3 / Quân Đoàn  
4 và Quân Khu 4.

Sau 12 năm, 9 tháng 12 ngày cải tạo, tôi  
được thả ngày 12.2.1988. (xem theo giấy ra  
tải) Kính xin Bà giúp đỡ bằng mọi cách  
để tôi và vợ tôi được sang định cư tại Hoa Kỳ  
trong diện di quân cải tạo.

Tôi có 5 con, tất cả đã lập gia đình.  
Tôi muốn cho tất cả chúng nó cũng đi với chúng  
tôi nhưng không được chấp thuận cho xuất  
cung như cho nhập. Xin Bà giúp cho ít lời khuyên  
về việc này. Xin chân thành cảm tạ.

Địa chỉ:

- 187/4 Minh Phụng  
Saigon / Quận 6

Long

Trại Sài Gòn

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 1HS

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

SHSLD

## GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 066-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thí hành án văn, quyết định tha số

ngày 8tháng 2năm 1988

của

Nay cấp giấy này cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

LÊ VĂN TÂN

Sinh năm 19

33

Các tên gọi khác

Nơi sinh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

9/10 Khóm 3, Phường 8, Mỹ Tho, Tiền Giang

Gian tội

Trùng tá trường phần 3

Bị bắt ngày

1-5-1979

Án phạt

150T

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tăng án

lần, cộng thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

9/10 Khóm 3, Phường 8, Mỹ Tho, Tiền Giang

Nhận xét quá trình cư trú

quá trình cải tạo ở trại nhà tù đã có tiến bộ, ngoan ngoãnđúng, học tập và chấp hành nội qui trại có tiến bộ.tiền đi được đã chấp hành ở trại về đến gia đình.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Nơi cư trúTrước ngày 16 tháng 2 năm 88

Lưu tại phòng trả trả

LÊ VĂN TÂN

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Ngày 2 tháng 2 năm 1988

T. Trưởng trại

Chữ ký, họ tên, cấp bậc, chức vụ

Danh hiệu

Lập tại

Nguyễn Thị Ngọc F. huc

FROM <sup>^</sup>LE VAN TONG  
187/4 MINH PHUNG  
SAIGON / <sup>^</sup>VIETNAM

PAR AVION



TO MRS <sup>^</sup>LE BACH TUYET  
PO BOX '5435  
ARLINGTON VA 22205  
0635

PAR AVION VIA AIR MAIL

USA

C O N T R O L

\_\_\_\_ Card  
\_\_\_\_ ☒ Doc. Request; Form  
\_\_\_\_ Release Order  
\_\_\_\_ Computer  
\_\_\_\_ Form "D"  
\_\_\_\_ ODP/Date \_\_\_\_\_  
\_\_\_\_ Membership; Letter

3/21/89VN

° POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM.

THE PURPOSE OF THIS FORM IS TO IDENTIFY PERSONS WHO ARE OR WERE FORMERLY INTERNED IN REEDUCATION CAMP IN VIETNAM SO THAT ELIGIBILITY FOR US ADMISSION VIA THE ODP CAN BE ESTABLISHED:

APPLICANT IN VIETNAM.

NAME LÊ VĂN TÔNG. SN# 53.105099.

RANK LTC

FUNCTION 4<sup>th</sup> CORPS G3

CURRENT ADDRESS: N° 9/10. F8. KV5. HOC LAC.  
MYTHO. TIENG GIANG. VIETNAM.

DATE OF BIRTH: JUL 21<sup>st</sup> 1933

PLACE OF BIRTH: CHOLON. (SVN)

NAMES OF ACCOMPANYING RELATIVES DEPENDANT:

TRƯỜNG NGỌC CHÂU. EPOUSE

DATE OF BIRTH: NOV. 11<sup>th</sup> 1937

PLACE OF BIRTH: TÂN AN (SVN)

TIME SPENT IN REEDUCATION CAMP

FROM: MAY 1<sup>st</sup> 1975

TO: FEB 12<sup>th</sup> 1988

( 12 YEARS, 9 MONTHS, 12 DAYS )

SIGNATURE OF THE APPLICANT

TÔNG

# POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM.

THE PURPOSE OF THIS FORM IS TO IDENTIFY PERSONS WHO ARE OR WERE FORMERLY INTERNED IN REEDUCATION CAMP IN VIETNAM SO THAT ELIGIBILITY FOR US ADMISSION VIA THE ODP CAN BE ESTABLISHED:

APPLICANT IN VIETNAM.

NAME <sup>^</sup> LÊ-VĂN TÔNG - SN# 53.105090.

RANK LTC

FUNCTION 4<sup>th</sup> CORPS G3

CURRENT ADDRESS: N° 9/10-FB-KV5-HOC LAC -  
MYTHO-TIENGiang-VIETNAM.

DATE OF BIRTH: JUL 21<sup>st</sup> 1933

PLACE OF BIRTH: CHOLON. (SVN)

NAMES OF ACCOMPANYING RELATIVES DEPENDANT:

<sup>^</sup> TRƯỜNG NGOC CHAU. EPOUSE.

DATE OF BIRTH: NOV. 11<sup>th</sup> 1937

PLACE OF BIRTH: TAN AN (SVN)

TIME SPENT IN REEDUCATION CAMP.

FROM: MAY 1<sup>st</sup> 1975

TO: FEV. 12<sup>th</sup> 1988

( 12 YEARS, 9 MONTHS, 12 DAYS )

SIGNATURE OF THE APPLICANT

TÔNG

- T. Kich Que Phòng Mưu Quân L.

Lê Văn Tông

- Xí quân JB. 105.094
- Xí quân của JTB - 12.1952
- Khang uy - 1.2.1957
- Đại uy - 16.9.64

TRƯỜNG Phòng 3/SA21 BB. C' l'ain - Maj. HUBER

- Thiệu Tai - 1.11.66
- Tham mưu Phe' Ho + TV - Bkcu. C' l'ain - LTC. SHIKATA  
Maj. THOMPSON  
Maj. GILLESBY
- Khang Tai - 1.11.68

TRƯỜNG Phòng 3/DA4. C' l'ain. GEN. CUSHMAN

38 Huy chương Việt Nam.

- 2 Huy chương Mỹ: 1) Army Commendation. 3224-6/6/70  
2) C' l'ain 2 cũng loại không nhớ ngày.

- C' l'ain:

- 1.5-75 - 23.6.1976 - Liên trại 3 (Quân khu 9) C' l'ain -
- 6.76 - 8.78 - Liên trại 2 - Đoàn 776 Sơn La - } Bắc Việt Nam
- 8.78 - 4.82 - Trại Nam Hà - Hà Nam kinh }
- 4.82 - 11.85 - Z30C - Hàm Tân Thuận Hải.
- 11.85 - 12.2.1988 - Z30D - Hàm Tân Thuận Hải.

Từ đó ngày 12.2.1988. Quyết định 20'64 ngày 4.2.88. Của Bộ Nội vụ.

Trại 1234

Số 1234 /HS



SHSLD

# GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 066-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thí hành an văn, quyết định tha số 04 ngày tháng năm

của

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

**Lê Văn Tông**

Sinh năm 19

**33**

Các tên gọi khác

Nơi sinh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

**9/10 Khóm 3, Phường 8, Mỹ Tho, Tiền Giang.**

**Tiền Giang.**

Can tội

**Trộm cắp tài sản phạm 3.**

Đi bắt ngày

**1-5-1972**

Án phạt

**1202**

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tăng án

lần, cộng thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

**9/10 Khóm 3, Phường 8, Mỹ Tho, Tiền Giang.**

Nhận xét quá trình cải tạo

**Quá trình cải tạo ở trại, anh Tông đã cố gắng, trước hết**

**động, học tập và chấp hành nội qui trại có tiến bộ.**

**Tiền đi được để cấp trả về địa phương.**

Đồng sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: **Hội cơ sở**

Trước ngày 16 tháng 2 năm 1988

Lưu tay người trả chất

**Lê Văn Tông**

Họ tên, chức vụ  
người đưa cấp giấy

Ngày 12 tháng 2 năm 1988

**T. Trương trại**

(chữ rõ họ, tên, cấp bậc, chức vụ)

Sinh bản

Lưu tại



*[Handwritten signatures and notes in the bottom right section]*

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH- PHỐ:  
**PHONG DINH**

QUẬN **CHAU THANH**

XÃ **TÂN AN**

Số hiệu: **25**

Trích-lục

# Chứng-Thư Hôn-Thú

NAM 1960

Tên họ người chồng: **LÊ - VĂN - TÙNG**  
Nghề-nghiệp: **Sĩ-quan Q.Đ. V.N. C.H.**  
Sanh ngày **21** tháng **7** năm **1933**  
Tại: **Chợ Lớn (Đô Thành)**  
Cư sở tại: **Số 216 Nguyễn-An-Ninh Cần-Thơ**  
Tạm trú tại: **KBC. 4. 396/TN, Bình Thủy (PHONG DINH)**  
Tên, họ cha chồng: **LÊ - VĂN - LONG (sống)**  
Sống chết phải nói  
Tên, họ mẹ chồng: **NHAN-THỊ-XUÂN (sống)**  
Sống chết phải nói  
Tên, họ người vợ: **TRƯƠNG NGỌC CHÂU**  
Nghề-nghiệp: **Nội trợ**  
Sanh ngày **11** tháng **11** năm **1937**  
Tại: **Phước Tân Hưng (Long An)**  
Cư sở tại: **Số 216 Nguyễn-An-Ninh Cần Thơ**  
Tạm trú tại: **KBC. 4. 396/TN, Bình Thủy (PHONG DINH)**  
Tên, họ cha vợ: **TRƯƠNG KHÁC BA (chết)**  
Sống chết phải nói  
Tên, họ mẹ vợ: **NGUYỄN THỊ TRÂM (sống)**  
Sống chết phải nói  
— Ngày cưới: **Mười tám, tháng giêng, năm 1960**  
— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kê: **/**  
ngày **/** tháng **/** năm **/**  
tại **/**

Trích y theo bộ:

**PHONG DINH**, ngày **—** tháng **—** năm **196**

VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH,

**PHONG DINH**, ngày **9** tháng **12** năm **1960**

CHỦ-TỊCH

KHUY-VIÊN HỘ-TỊCH,

**LÊ VĂN TÙNG**

NHÂN-THỰC CHỦ-KÝ **Đặng Văn Bảy**

LÀ CHIEU CHỦ-TỊCH U.S.H.C. KIẾN

ĐIỀU HÀNH HỘ-TỊCH

Ngày **9** tháng **12** năm **1960**

TỈNH-TRƯỞNG



**ĐOÀN-VĂN-LỢI**  
Phó Giám-Sự Hành-Chánh





Mrs KHUC MINH THO  
Chu Tich  
Hoi Gia Dinh Tu Nhan Chinh Tri Viet Nam  
P.O. Box 5435  
ARLINGTON, VA 222 050 635  
U.S.A.

DEC 1 8 1989

From : Le Thi Hung

[REDACTED]  
Yarraville, VIC 3013  
AUSTRALIA